TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 4 - 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 495/2021/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Trang Đ, sinh năm 1993
Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện T, tỉnh N.
Tạm trú: Nhà không số tổ A, Ấp B, xã V, huyện C, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1986
Địa chỉ: Xã N, huyện S, tỉnh T.
Tạm trú: Nhà không số tổ A, Ấp B, xã V, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Trang Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân D tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 27 tháng 7 năm 2017. Thời gian đầu bà và ông D chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà có khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông D vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/8/2018, giới tính nam. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân D trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Phan Thị Trang Đ về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Đ. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng. Đồng thời, do bận công việc nên ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án bao gồm các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Trang Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông D; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Xuân D vắng mặt, nhưng có lời trình bày đồng ý ly hôn với bà Đ; đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Trang Đ đối với ông Nguyễn Xuân D. Bà Phan Thị Trang Đ được ly hôn với ông Nguyễn Xuân D.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/8/2018 cho bà Phan Thị Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Phan Thị Trang Đ chịu án phí ly hôn; ông Nguyễn Xuân D chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Phan Thị Trang Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Xuân D. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Xuân D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 47 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh N cấp ngày 27 tháng 7 năm 2017 thì hôn nhân giữa bà Phan Thị Trang Đ và ông Nguyễn Xuân D là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà Đ trình bày thì bà và ông D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Dù được khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông D vẫn không thay đổi nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông D.

Đối với ông D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày đồng ý ly hôn với bà Đ.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông D tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, Thành phố H thì Ủy ban nhân dân xã chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Đ với ông D. Bà Đ và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/8/2018, hiện đang ở cùng với bà Đ và ông D.

Xét thấy, mặc dù bà Đ và ông D thỏa thuận ly hôn nhưng do ông D vắng mặt tại phiên tòa nên không công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử cho bà Đ và ông D ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền kháng cáo của ông D.

[3.2]. Về con chung: Bà Đ và ông D xác định có 01 con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/8/2018, giới tính nam, hiện đang sống chung với bà Đ và ông D. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; ông D cũng đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ K còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ nên để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cần giao trẻ K cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng; ông D cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà Đ và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[3.4]. Về nợ chung: Bà Đ và ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Phan Thị Trang Đ phải chịu án phí ly hôn; ông Nguyễn Xuân D phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Trang Đ đối với ông Nguyễn Xuân D.

Bà Phan Thị Trang Đ được ly hôn với ông Nguyễn Xuân D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh N cấp ngày 27 tháng 7 năm 2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/8/2018, giới tính nam cho bà Phan Thị Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Xuân D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 22 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 22/4/2022.

Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Thị Trang Đ, nếu ông Nguyễn Xuân D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Trang Đ và ông Nguyễn Xuân D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Trang Đ và ông Nguyễn Xuân D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Trang Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081433 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Xuân D phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

2 000003 167203

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương